TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 02 -2026
V/v:"*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:1.Bà Nguyễn Thị Yến Thu

2.Ông Bùi Tấn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025,về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05a/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2003(có mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã S, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn*: Anh Cao Văn T1, sinh năm 2003(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Cao Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S ngày 31/10/2023.Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà ba mẹ anh T1 đến ngày 24/4/2024 chị T phát hiện anh T1 nghiện ma túy, bài bạc dẫn đến nợ nần nên giữa hai vợ chồng có nhiều bất đồng về cách sống và thường xuyên cãi nhau.Từ khi sinh con anh T1 bỏ nhà đi đến nay không còn quan tâm vợ con nên chị T đưa con về nhà mẹ ruột ở đến nay.Vợ chồng không còn sống chung, không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn anh Cao Văn T1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Cao Văn T1 có 01 người con chung là Cao Thanh T2, sinh ngày 24/4/2024.Hiện nay con đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đang sống chung cùng gia đình cha mẹ chị, khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn anh Cao Văn T1 được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng không gởi ý kiến, văn bản về yêu cầu ly hôn của chị T và nuôi con chung, vắng mặt hòa giải nên vụ án không hòa giải được, đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Cao Văn T1 và tiếp tục nuôi con chung là Cao Thanh T2, sinh ngày 24/4/2024.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến đối với vụ án: Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 ; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Cao Văn T1; Giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung là Cao Thanh T2,sinh ngày 24/4/2024 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên không xét; về tài sản, nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xét; về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định như sau:

[1]*Về thủ tục tố tụng*: chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn, đối với anh Cao Văn T1 có nơi cư trú tại thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án nhân dân khu vực 13-Lâm Đồng thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Văn T1 vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn chị T có đơn xin xử vắng mặt.Do đó, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và nguyên đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]*Về yêu cầu ly hôn*: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Cao Văn T1 tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S ngày 31/10/2023 (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 30/10/2023). Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.Do đó, phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên phải có nghĩa vụ chung sống cùng nhau thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ cùng chia sẻ các công việc trong gia đình và chăm sóc con chung được quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.Tuy nhiên, chị T cho rằng do anh T1 nghiện ma túy, chơi bài bạc dẫn đến nợ nần nên vợ chồng mâu thuẫn. Anh T1 tự bỏ đi không còn chung sống với chị T và cùng chăm sóc con chung từ khi con được sinh ra sau 1 tháng đến nay không liên lạc gì.Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh Cao Văn T1 không cùng vợ chung sống quan tâm giúp đỡ chia sẻ tình cảm vợ chồng và nghĩa vụ với nhau, khi chị T yêu cầu ly hôn anh T1 không có ý kiến gì chứng tỏ bỏ mặc không quan tâm về hôn nhân giữa anh với chị T nên không có khả năng đoàn tụ hạnh phúc.Vì vậy, chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn anh T1 là có căn cứ chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]*Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Bích T hiện nay đang trực tiếp nuôi con chung là Cao Thanh T2, sinh ngày 24/4/2024, hiện nay con dưới 36 tháng tuổi nên chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền trực tiếp nuôi con

chung cho chị T, anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở được quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4]*Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[6]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: -Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T.

-*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Cao Văn T1.

-*Về con chung*:+Giao chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục con chung là Cao Thanh T2, sinh 24/4/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

+ Anh Cao Văn T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+*Nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu giải quyết.

-*Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Án phí*: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007432 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.Chị T đã nộp đủ án phí.

-*Quyền kháng cáo:*Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND Khu vực 13-Lâm Đồng.
- Đương sự
UBND xã Bắc Bình(số 49/2023)
- Lưu HSVA

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo